

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề cương thực hiện nhiệm vụ: “Xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 của Quốc hội; Luật số 60/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển (HLBVBB);

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập HLBVBB tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 và Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 202/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 18904/UBND-NN ngày 13/12/2023; Công văn số 12980/UBND-NN ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đề nghị xin phê duyệt Đề cương thực hiện nhiệm vụ “Xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc giới HLBVBB tỉnh Thanh Hóa”;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại 1967/TTr-STNMT ngày 30/12/2024 về việc đề nghị phê duyệt đề cương thực hiện nhiệm vụ “Xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ “Xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa” với những nội dung chính như sau:

1. Tên Nhiệm vụ: Xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa.

2. Đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Mục tiêu của Nhiệm vụ:

- **Mục tiêu chung:** Thiết lập hành lang an toàn bảo vệ bờ biển, phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, khai thác và sử dụng bền vững vùng bờ biển tỉnh Thanh Hóa.

- **Mục tiêu cụ thể:**

+ Xác định chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển.

+ Cắm mốc giới cho các khu vực cần thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Quy mô, địa điểm đầu tư:

- **Quy mô đầu tư:** Đầu tư xây dựng cắm mốc giới, biển báo, biển chỉ dẫn HLBVBB tỉnh Thanh Hóa, gồm: 15 khu vực, với tổng chiều dài bờ biển là 42,685 km thuộc địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương, thị xã Nghi Sơn và thành phố Sầm Sơn.

- **Địa điểm đầu tư:** Thuộc địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương, thị xã Nghi Sơn và thành phố Sầm Sơn.

6. Nội dung thực hiện:

(1) Xác định các mặt cắt đặc trưng của khu vực thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển

a) Thu thập dữ liệu, điều tra khảo sát phục vụ xác định chiều rộng HLBVBB.

* Thu thập dữ liệu

- Thu thập, biên tập các bản đồ nền (tỷ lệ 1:25.000 và các tỷ lệ khác) vùng ven biển; các dữ liệu đo đạc khảo sát của các đề tài, dự án liên quan. Kế thừa các bản đồ, dữ liệu địa hình của dự án “Thiết lập đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa”.

- Thu thập số liệu về sóng, gió, mực nước, địa hình, dòng chảy lưu lượng và lượng bùn cát lơ lửng tại khu vực cửa sông ven biển. Phạm vi, ranh giới các hệ sinh thái, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ, ranh giới hành lang bảo vệ đê biển.

- Phân tích, đánh giá, phân loại đường bờ, xác định các mặt cắt đặc trưng của khu vực thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển dựa trên bản đồ địa hình nền 1:25.000.

* Điều tra khảo sát bổ sung

- *Điều tra, khảo sát địa hình:*

Tiến hành quan trắc tại 20 mặt cắt ở các khu vực cửa sông và ven biển điển hình, đại diện cho vùng ven bờ Thanh Hóa vào hai mùa gió Đông Bắc và Tây Nam. Các khu vực tiến hành đo đạc bao gồm các khu vực bãi biển, bãi bồi cửa sông. Sử dụng máy đo RTK đo mặt cắt địa hình và mặt cắt bãi. Khoảng cách

trung bình giữa các vị trí đo từ 10m-20m, tại các vị trí mặt bãi có độ cao thay đổi sẽ tiến hành đo đạc không kể khoảng cách. Các đoạn bãi có sự biến động độ cao không lớn (dưới 0,2m).

- *Điều tra, khảo sát thủy hải văn, bùn cát:*

+ *Đo đạc lưu lượng kết hợp với bùn cát lơ lửng tại các cửa sông*

Tiến hành quan trắc lưu lượng kết hợp với bùn cát lơ lửng tại 05 cửa sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm: lạch Càn, lạch Trường, lạch Hới, lạch Ghép, lạch Bạng (đo liên tục trong 07 ngày đêm; tần suất đo 01h/lần đo; đo trong 2 mùa gió Đông Bắc và Tây Nam). Các thông số quan trắc về lưu lượng nước (máy tự ghi); tổng chất rắn lơ lửng (TSS) bằng máy tự ghi hoặc lọc mẫu.

+ *Khảo sát dao động mực nước biển ven bờ biển tỉnh Thanh Hoá*

Tiến hành quan trắc 02 trạm mực nước đại diện cho vùng ven bờ biển Thanh Hóa. Nội dung tiến hành được quan trắc liên tục trong 07 ngày đêm; với tần suất quan trắc 01h/lần đo bằng máy tự ghi hoặc cọc mia và thước mét; tiến hành trong 2 mùa gió Đông Bắc và Tây Nam.

+ *Khảo sát sóng, gió, dòng chảy và bùn cát lơ lửng ven bờ biển*

Tiến hành quan trắc 02 trạm sóng, gió, dòng chảy và bùn cát lơ lửng (TSS) đại diện cho vùng ven bờ biển Thanh Hóa. Nội dung tiến hành được quan trắc liên tục trong 7 ngày đêm; với tần suất quan trắc 01h/lần đo bằng các máy tự ghi hoặc các phương pháp phù hợp; đo trong 2 mùa gió Đông Bắc và Tây Nam.

+ *Khảo sát sóng leo ven bờ biển tỉnh Thanh Hoá*

Tiến hành đo 02 trạm sóng leo ven bờ tỉnh Thanh Hóa (tại khu vực đo mực nước và sóng, gió ven bờ). Việc đo đạc sóng leo được tiến hành bằng công nghệ camera; chế độ đo 24/24, đo liên tục trong 7 ngày, đo trong 2 mùa gió Đông Bắc và Tây Nam.

+ *Lấy và phân tích mẫu bùn cát đáy*

Trên các mặt cắt đặc trưng (mỗi mặt cắt 3 mẫu, khoảng cách giữa các mặt cắt là dao động từ 200 đến 1000m. Chiều dài bờ biển lấy mẫu dự tính là 42.685m trên tổng số 15 khu vực, tổng 90 mặt cắt). Tổng số liệu mẫu thu thập là 3 mẫu/1 mặt cắt x 90 mặt cắt x 2 mùa = 540 mẫu.

+ Phân tích thành phần độ hạt của mẫu bùn cát tại mặt cắt đặc trưng, xây dựng biểu đồ cấp phối hạt theo các quy định hiện hành.

+ Xác định đường kính hạt bùn cát trung bình (D_{50}) từ biểu đồ cấp phối hạt đối với từng mặt cắt đặc trưng.

+ Phân tích xu thế vận chuyển bùn cát đáy.

b) Xác định các mặt cắt đặc trưng của khu vực thiết lập HLBVBB.

- Mặt cắt đặc trưng là mặt cắt vuông góc với đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm và được sử dụng để tính toán, xác định chiều rộng HLBVBB.

- Số lượng, vị trí các mặt cắt đặc trưng của khu vực phải xác định HLBVBB phụ thuộc vào các yếu tố sau đây: Hình thái bờ biển; Điều kiện địa chất, địa mạo; Các hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên; Các di sản, văn hóa, lịch sử.

- Số lượng mặt cắt đặc trưng của khu vực phải thiết lập HLBVBB được xác định theo vị trí các mặt cắt đặc trưng nhưng không nhỏ hơn 03 mặt cắt tại điểm đầu, điểm cuối và 01 điểm nằm trong phạm vi khu vực phải thiết lập HLBVBB.

Các mặt cắt đặc trưng được xác định dựa trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000.

(2) Tính toán xác định chiều rộng, ranh giới HLBVBB

- Tính toán mô phỏng (Bộ mô hình tính toán thủy động lực hai chiều và Bộ mô hình tính toán dự báo diễn biến đường bờ).

- Xác định khoảng cách nhằm giảm thiểu thiệt hại do sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Xác định khoảng cách sạt lở bờ biển do mực nước biển dâng.

- Xác định khoảng cách sạt lở bờ biển trong dài hạn.

- Xác định khoảng cách sạt lở bờ biển trong ngắn hạn.

- Xác định khoảng cách nhằm bảo vệ hệ sinh thái.

- Xác định khoảng cách nhằm bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

- Xác định ranh giới HLBVBB trên bản đồ và ngoài thực địa.

- Lập bản đồ thể hiện ranh giới HLBVBB, tỷ lệ 1:25.000.

- Lấy ý kiến về ranh giới HLBVBB, phê duyệt ranh giới HLBVBB.

(3) Cắm mốc giới HLBVBB

Cắm mốc ranh giới HLBVBB (khoảng cách giữa các mốc giới từ 200 đến 1000 m tùy thuộc vào hình thái bờ biển, địa hình địa mạo khu vực cắm mốc và phải đảm bảo yêu cầu quản lý về ranh giới). Tổng số mốc giới cần cắm là 90 mốc.

7. Sản phẩm của nhiệm vụ

a) Các sản phẩm chính:

- Bản đồ thể hiện ranh giới HLBVBB tỉnh Thanh Hóa đã được phê duyệt.

- Sơ đồ, biên bản bàn giao các mốc ranh giới HLBVBB.

- Đĩa CD/DVD ghi toàn bộ số liệu đo đạc khảo sát.

- Biểu đồ cấp phối hạt và xác định đường kính hạt bùn cát trung bình.

- Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt.

b) Các sản phẩm trung gian:

- Các báo cáo chuyên đề của các nội dung (Báo cáo kết quả, số liệu, hình vẽ...).

- Các mốc ranh giới HLBVBB được cắm ngoài thực địa.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026.

9. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn sự nghiệp môi trường ngân sách tỉnh giai đoạn 2025 - 2026.

(Nội dung chi tiết có đề cương nhiệm vụ kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung đề cương nhiệm vụ được phê duyệt; căn cứ nội dung đề cương nhiệm vụ được phê duyệt, lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Giao Sở Tài chính căn cứ đề cương nhiệm vụ được phê duyệt, dự toán chi tiết do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ: “Xác định chiều rộng, ranh giới và cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Thanh Hóa”; nghiên cứu cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển, Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang